TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 6 - 2023
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Mu Ni

Bà Thạch Thị Ngọc Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu Trung tâm tại Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và điểm cầu Thành phần tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh đối với vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2023/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Minh V, sinh năm 1977 (Có mặt);

Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Chị LÊ V1, sinh năm 1980 (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: 1 Neville Street S New South W Australia (nước Úc).

** Ngoài ra, còn có sự tham gia hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại 02 điểm cầu:*

- Điểm cầu trung tâm có ông Nguyễn Tấn Đ - Nhân viên kỹ thuật của Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- Điểm cầu thành phần có ông Chung Hữu T - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Ngang, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 02 năm 2023 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Minh V trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị LÊ V1 sau khi tìm hiểu, quyết định tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 19/11/2019. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, tài sản chung, nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi kết hôn, mỗi người sống ở mỗi nước khác nhau nên không thường xuyên nói chuyện với nhau, thiếu sự quan tâm chăm sóc yêu thương, tình cảm nhạt dần đến nay không còn nữa, gia đình cũng cố gắng hoà giải để đoàn tụ nhưng không thành, hiện tại cả hai không còn liên lạc nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này nữa nên anh Nguyễn Minh V yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh V được ly hôn với chị LÊ V1.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Minh V khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo ý kiến phúc đáp của bị đơn chị LÊ V1 được gởi từ nước Úc về trình bày và yêu cầu như sau:

Chị Lê V2 đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Minh V, giữa chị với anh V không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung. Chị đồng ý cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đưa vụ án ra xét xử sớm hơn thời gian ấn định trong Thông báo thụ lý vụ án và xin vắng mặt chị theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Nguyễn Minh V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn chị LÊ V1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, đã chấp hành đúng qui định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ tại hồ sơ thể hiện giữa anh Nguyễn Minh V và chị LÊ V1 từ khi kết hôn đến nay thời gian sống chung không nhiều, không có sự gần gủi, yêu thương chăm sóc lẫn nhau, từ đó không có tình cảm, không hạnh phúc, anh V và chị LÊ V1 cũng thống nhất ly hôn. Từ cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tống tụng dân sự ; Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Minh V với chị LÊ V1; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Minh V và chị LÊ V1 khai thống nhất không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí và chi phí tố tụng khác: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Nguyễn Minh V phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội

đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Nguyễn Minh V và chị LÊ V1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng sống chung tại thị trấn C, tỉnh Trà Vinh; sau đó chị LÊ V1 t về nước Úc sinh sống. Việc anh Nguyễn Minh V yêu cầu ly hôn với chị LÊ V1 t1 tại 1 Neville Street S New South W Australia (Úc), là quan hệ tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Việt Nam, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 của Việt Nam.

Chị LÊ V1 yêu cầu xét xử vắng mặt do không có điều kiện tham gia tố tụng tại Tòa án là phù hợp theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1]*Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Minh V và chị LÊ V1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 19/11/2019, đúng theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Minh V và chị LÊ V1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn thì chị LÊ V1 làm việc và sinh sống tại Australia, còn anh Nguyễn Minh V thì sinh sống tại Việt Nam từ năm 2019 cho nên việc chăm sóc quan tâm lẫn nhau cũng bị hạn chế, tình cảm trở nên nhạt dần dẫn đến không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân.

Theo Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng anh Nguyễn Minh V và chị LÊ V1 không thực hiện quyền và nghĩa vụ này đối với nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo quy định pháp luật. Anh V và chị LÊ V1 đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời anh V và chị LÊ V1 cũng thống nhất thuận tình ly hôn.

Từ những cơ sở trên xét thấy tình cảm vợ chồng của anh V và chị LÊ V1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Việt Nam cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Minh V với chị LÊ V1 .

[2.2] *Về con chung, tài sản chung, nợ chung:* Anh Nguyễn Minh V và chị LÊ V1 khai thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định "*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, anh Nguyễn Minh V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án

phí anh Nguyễn Minh V đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014831 ngày 23/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Quan điểm của vị Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa phù hợp quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Việt Nam;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Nguyễn Minh V.

1.*Về quan hệ hôn nhân:* Cho anh Nguyễn Minh V được ly hôn với chị LÊ V1 .

2. *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Anh Nguyễn Minh V và chị LÊ V1 khai thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

3. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Buộc anh Nguyễn Minh V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh V đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014831 ngày 23/02/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh. Chị LÊ V1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND huyện C;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Châu